
V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.*

Trụ sở : Lô 46, Khu công nghiệp Q M, M L, HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh S – Chủ tịch hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Mai H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: V Y, N H, Th Tr, HN.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Bùi Văn T – Luật sư cộng sự Văn phòng Luật sư A, đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1- Ông Lê Thanh S, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số 134, tổ 13 C G, phường Quan Hoa, quận C G, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Tiến Dũng, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ 24 Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

2- Bà Vũ Thị Th, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 134, tổ 13 C G, phường Quan Hoa, quận C G, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Mai H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: V Y, N H, Th Tr, HN.

3- Công ty cổ phần thời trang C MB.

Địa chỉ: Số 170, Đ L Th, quận Đ Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đoàn Thị Bích Ng – Giám đốc.

4- Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1972.

Kinh doanh tại : 134 tổ 13 C G, phường Q H, quận C G, Hà Nội.

Địa chỉ: Xã Đ Th, huyện H Đ, Hà Nội.

Ông Ng, ông H, ông Th, ông D, bà H , ông D có mặt. Các đương sự khác và luật sư vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày:
Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN – Chi nhánh Th L cho Công ty E vay tiền theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2009/HĐTD-DH ngày 22/9/2009, sửa đổi bổ sung ngày 29/3/2010, ngày 28/12/2010, ngày 20/1/2012, ngày 25/10/2012 và hợp đồng tín dụng hạn mức số 1101/2011/HĐ ngày 11/1/2011, biên bản sửa đổi bổ sung ngày 15/3/2011, cụ thể:

1- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2009/HĐTD-DH ngày 22/9/2009: Công ty E ký hợp đồng vay số tiền 145 tỷ đồng (gồm cả ngoại tệ quy đổi). Mục đích vay đầu tư dự án nhà máy sản xuất cồn rượu tại KCN Qu M, M L, HN. Thời hạn vay là 96 tháng

kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Thời hạn ân hạn trả nợ gốc 9 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời hạn trả nợ gốc 87 tháng sau thời gian ân hạn, trả 29 kỳ bằng nhau, 3 tháng một lần. Kỳ trả lãi: Hàng tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay theo hợp đồng tín dụng ban đầu là 10,5%/năm, lãi suất EURO 7,5%/năm, lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng/lần. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Tổng số tiền đã giải ngân cho vay là: 121.805.523.561 đồng và 162.000 EURO.

Số tiền đã thu nợ: 10.601.068.786 đồng và 33.516 EURO.

Tổng dư nợ tính đến hết ngày 17/11/2018 là: 220.945.670.000 đồng (làm tròn), trong đó:

- Nợ gốc (làm tròn): 114.620.330.000đ (gồm 111.204.454.775 VND và 128.484 EUR quy đổi là 3.415.875.624 đồng theo tỷ giá quy đổi ngày 17/11/2018 là EUR/VND: 26.586).

- Nợ lãi trong hạn: 97.792.776.096 đồng (gồm 95.882.966.532 VND và 71.835,16 EUR quy đổi là 1.909.809.564 đồng).

- Nợ lãi quá hạn là: 8.532.563.689 đồng (gồm 8.178.208.681 VND và 13.328,63 EUR quy đổi là 354.355.008 đồng).

2- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1101/2011/HĐ ngày 11/1/2011 và biên bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 15/3/2011.

Tổng số tiền đã giải ngân cho vay là: 39.142.254.384 đồng.

Số tiền đã thu nợ: 9.606.986.099 đồng.

Tổng dư nợ đến hết ngày 17/11/2018 là: 67.129.665.000 đồng (làm tròn), trong đó:

- Nợ gốc: 29.535.268.285 đồng.

- Nợ lãi trong hạn: 27.667.990.515 đồng

- Nợ lãi quá hạn: 9.926.405.956 đồng.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên gồm có:

1- Tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 134 đường C G, quận C G, HN, thửa đất số 180, tờ bản đồ 62 (1P), diện tích 726,3m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/1/2004 cho ông Lê Thanh S và bà Vũ Thị Th, theo hợp đồng thế chấp công chứng số 182 ngày 01/10/2009.

2- Tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 0903 ngày 09/3/2010, gồm xe ô tô Ford Ranger BKS 30V – 3, số khung 8, số máy 1; xe ô tô Ford Everest BKS 30V – 3, số khung 1, số máy 1.

Ngày 16/5/2013, Ngân hàng đã giải chấp đối với xe ô tô Ford Everest BKS 30V – 3032, số khung 1, số máy 1.

3- Tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 2509 ngày 25/9/2010, gồm 08 xe ô tô: xe ô tô Ford Ranger BKS 30Z – 8, số khung 8, số máy 1; xe ô tô Ford Everest BKS 30Z – 8, số khung 1, số máy 1; xe ô tô tải Hyundai 1.25T BKS 30Y – 7, số khung 0, số máy 0; xe ô tô tải Hyundai 1.25T BKS 30Y – 7, số khung 0, số máy 9; ô tô tải Hyundai 2.4T BKS 30Z – 8, số khung 1, số máy 9; ô tô tải Hyundai 11.5T BKS 30Y – 7, số khung 1, số máy 9; ô tô Hyundai 1.25T BKS 30Z – 9, số khung 0, số máy 7; ô tô khách Daewoo BKS 30Y – 7, số khung 0, số máy 8; xe nâng Komatsu 1.5T số máy M191 - 8.

Ngày 18/4/2013 và ngày 25/2/2013, Ngân hàng đã giải chấp gồm xe ô tô Ford Everest BKS 30Z – 8, số khung 1, số máy 1; xe ô tô tải Hyundai 1.25T BKS 30Y – 7, số khung 0, số máy 0; xe ô tô tải Hyundai 1.25T BKS 30Y – 7, số khung 0, số máy 9.

4- Toàn bộ nhà xưởng, các công trình xây dựng, máy móc và thiết bị gắn liền với nhà xưởng và công trình xây dựng trên đất theo hợp đồng thế chấp số 2209 ngày 22/9/2009 giữa Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN – Chi nhánh Th L với Công ty TNHH MTV Bia rượu E.

5- Các tài sản khác: Toàn bộ số dư tiền gửi bằng VND và các loại ngoại tệ của Công ty E tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; các khoản thu theo hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty E và các đối tác mà Công ty E là người thụ hưởng.

Ngày 25/9/2014, Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN đã bán toàn bộ khoản nợ cho Công ty quản lý tài sản các tổ chức tín dụng Việt Nam (Công ty VAMC), theo hợp đồng mua bán nợ số 4136/2014/MBN.VAMC1-BIDV ngày 25/9/2014.

Nay Công ty VAMC - đơn vị được ủy quyền Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN khởi kiện đề nghị Công ty TNHH MTV Bia rượu E thanh toán trả nợ tính đến hết ngày 17/11/2018 tổng số tiền là 288.075.335.000 đồng (gồm 282.395.294.743 VND và 213.647,79 EUR quy đổi là 5.680.040.196 theo tỷ giá ngày 17/11/2018 EUR/VND là 26.586), trong đó:

- Nợ gốc làm tròn là 144.155.599.000 đồng (gồm 140.739.723.060 VND và 128.484 EUR quy đổi 3.415.875.624 đồng);

- Lãi trong hạn 125.460.766.610 đồng (gồm 123.550.957.047 VND và 71.835,16 EUR quy đổi 1.909.809.564 đồng);

- Lãi quá hạn 18.458.969.645 đồng (gồm 18.104.614.637 VND và 13.328,63 EUR quy đổi 354.355.008 đồng).

Ngoài ra Công ty E phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng từ ngày 18/11/2018 đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp Công ty E không

trả được nợ gốc lãi thì đề nghị cho phát mại toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Công ty VAMC. Nếu số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán thì Công ty E tiếp tục phải trả hết nợ số tiền còn thiếu cho Công ty VAMC.

Công ty TNHH Một thành viên rượu bia Eresson do người đại diện theo ủy quyền bà Phạm Mai H trình bày: Công ty E có ký hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2009/HĐTD-DH ngày 22/9/2009, sửa đổi bổ sung ngày 29/3/2010, ngày 28/12/2010, ngày 20/1/2012, ngày 25/10/2012 và hợp đồng tín dụng hạn mức số 1101/2011/HĐ ngày 11/1/2011, biên bản sửa đổi bổ sung ngày 15/3/2011 với Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN – Chi nhánh Th L, cụ thể:

1- Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2009/HĐTD-DH ngày 22/9/2009 Công ty E vay số tiền là: 121.805.523.561 đồng và 268.140 EURO.

2- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1101/2011/HĐ ngày 11/1/2011, Công ty E vay số tiền là 39.142.254.384 đồng.

Tài sản bảo đảm như đại diện VAMC trình bày là đúng.

Đề nghị Công ty VAMC lùi thời gian sau ngày 31/12/2018 thì tiếp tục giải quyết để Công ty E tìm đối tác, thương lượng bán nhà máy tại Qu M, M L, HN để thanh toán trả tiền cho Công ty VAMC. Đề nghị Công ty VAMC miễn toàn bộ khoản lãi và giảm tiền gốc cho Công ty E còn 70 tỷ và xin được trả nợ trong thời hạn 05 năm.

Ông Lê Thanh S, bà Vũ Thị Th do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông Lê Thanh S, bà Vũ Thị Th có ký hợp đồng thế chấp số 182 ngày 01/10/2009, thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 134 đường C G, Hà Nội, thửa đất số 180, tờ bản đồ 62 (1P), diện tích 726,3m², GCNQSDĐ số 10113052652 do UBND quận C G cấp ngày 20/1/2004, cấp cho ông Lê Thanh S và bà Vũ Thị Th, để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Công ty E đối với BIDV – Chi nhánh Th L. Do Công ty E kinh doanh không hiệu quả nên không thực hiện đúng nghĩa vụ với Ngân hàng. Đề nghị Ngân hàng xem xét tạo điều kiện để Công ty E bố trí nguồn trả nợ cho Ngân hàng để ông Sơn, bà Thiết giữ lại tài sản thế chấp để ổn định cuộc sống gia đình.

Công ty cổ phần thời trang C MB do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Năm 2013, Công ty C có ký hợp đồng thuê nhà với ông Lê Thành Đ, bà Vũ Thị Th, ông Lê Tam Th, bà Trần Thị Ng thời hạn 05 năm đến năm 2018 thì hết hạn hợp đồng. Trên cơ sở hợp đồng thuê nhà cũ, ngày 05/1/2018 Công ty tiếp tục ký hợp đồng thuê nhà thời hạn 01 năm 06 tháng, từ ngày 07/1/2018 đến hết ngày 06/7/2019.

Địa điểm thuê nhà là một phần ngôi nhà số 134 và 134A đường C G. Đối với hợp đồng thuê nhà thời hạn 05 năm từ thời điểm năm 2013 đã hết hạn hai bên đã thanh

lý hợp đồng không thắc mắc gì. Trên cơ sở hợp đồng thuê nhà cũ và cửa hàng C đã đầu tư từ trước nên Công ty C tiếp tục ký thêm hợp đồng thời hạn 01 năm 06 tháng, tiền thuê một phần ngôi nhà số 134 thanh toán cho bà Vũ Thị Th. Công ty C không biết việc thừa đất số 134 gia đình bà Th đã thế chấp cho Ngân hàng. Theo hợp đồng hai bên thoả thuận thì trường hợp bên cho thuê có lỗi dẫn đến việc chấm dứt hợp đồng thì phải bồi thường cho bên thuê là 300.000.000đ và nộp phạt là 300.000.000đ, hoàn trả số tiền bên thuê đã đặt cọc 130.812.500đ. Hiện nay hợp đồng đã thực hiện được hơn một nửa thời gian nên Công ty không có yêu cầu gì, trường hợp nếu chưa hết hạn mà phải chấm dứt hợp đồng thì Công ty C sẽ khởi kiện và yêu cầu sau đối với bên cho thuê. Đề nghị toà án giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án sơ thẩm xác minh thể hiện ông Nguyễn Anh T có hợp đồng thuê một phần ngôi nhà số 134 đường C G của bà Vũ Thị Th để mở cửa hàng kinh doanh Internet ,thời hạn thuê là 04 năm, kể từ ngày 20/3/2015 (hết hạn 20/3/2019). Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã báo gọi triệu tập họp lệ nhưng ông Nguyễn Anh T không đến Toà án làm việc nên không có lời khai.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/ KDTM – ST ngày 17 tháng 1 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M L đã quyết định như sau :

Xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (Công ty VAMC) đối với Công ty TNHH Một thành viên bia rượu E (Công ty E) về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

1- Buộc Công ty E có trách nhiệm trả nợ cho Công ty VAMC tính đến hết ngày 17/01/2019 (xét xử sơ thẩm), tổng số tiền là 292.094.224.468 đồng (*Hai trăm chín mươi hai tỷ không trăm chín tư triệu hai trăm hai bốn nghìn bốn trăm sáu tám đồng*), gồm: 286.341.916.642 VND và 216.260,30 EUR (quy đổi là 5.752.307.826 VND, theo tỷ giá quy đổi ngày 17/01/2019 EUR/VND là 26.599); trong đó: Nợ gốc là 144.157.268.976 đồng (gồm 140.739.723.060 VND và 128.484,00 EUR, quy đổi là 3.417.545.916 đồng). Nợ lãi trong hạn là 128.325.565.992 đồng (gồm 126.368.495.731 VND và 73.576,84 EUR, quy đổi là 1.957.070.261 đồng). Nợ lãi quá hạn là 19.611.389.500 đồng (gồm 19.233.697.851 VND và 14.199,47 EUR, quy đổi là 377.691.649 đồng)

Ngoài ra Công ty E còn có trách nhiệm thanh toán toàn bộ phần lãi phát sinh kể từ ngày 18/1/2019, theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2009/HĐTD-DH ngày

22/9/2009, sửa đổi bổ sung ngày 29/3/2010, ngày 28/12/2010, ngày 20/1/2012, ngày 25/10/2012 và hợp đồng tín dụng hạn mức số 1101/2011/HĐ ngày 11/1/2011, biên bản sửa đổi bổ sung ngày 15/3/2011 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam – Chi nhánh Th L ký với Công ty E cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2- Trường hợp Công ty E không thanh toán trả nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì Công ty VAMC có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 134 đường C G, quận C G, HN, thửa đất số 180, tờ bản đồ 62 (1P), diện tích 726,3m², đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/1/2004 cho ông Lê Thanh S và bà Vũ Thị Th, theo hợp đồng thế chấp công chứng số 182, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/10/2009; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 02/10/2009 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận C G, Hà Nội.

- Xe ô tô Ford Ranger BKS 30V – 3236, số khung 830902, số máy 1129040; theo hợp đồng thế chấp số 0903 ngày 09/3/2010, đăng ký bảo đảm ngày 17/3/2010 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại TP Hà Nội.

- Xe ô tô Ford Ranger BKS 30Z – 8173, số khung 831088, số máy 1129200; ô tô tải Hyundai 2.4T BKS 30Z – 8149, số khung 118127, số máy 9398593; ô tô tải Hyundai 11.5T BKS 30Y – 7395, số khung 129845, số máy 9412648; ô tô Hyundai 1.25T BKS 30Z – 9780, số khung 018032, số máy 7136353; ô tô khách Daewoo BKS 30Y – 7292, số khung 0049, số máy 804219B; xe nâng Komatsu 1.5T số máy M191 - 809947. Theo Hợp đồng thế chấp số 2529/2010/HĐ ngày 25/9/2010; đăng ký bảo đảm ngày 27/10/2010 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại TP Hà Nội.

- Nhà xưởng, các công trình xây dựng, máy móc và thiết bị gắn liền với nhà xưởng và công trình xây dựng trên đất theo hợp đồng thế chấp số 2209/2009/HĐ ngày 22/9/2009 giữa Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN – Chi nhánh Th L với Công ty TNHH MTV Bia rượu E.

Trường hợp, nếu số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán thì Công ty E tiếp tục có nghĩa vụ trả hết nợ số tiền còn thiếu cho Công ty VAMC.

Án phí: Công ty E phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch là 400.094.224 đồng (*Bốn trăm triệu không trăm chín tư nghìn hai trăm hai bốn đồng*).

- Hoàn trả Công ty VAMC (đơn vị được ủy quyền Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN) số tiền tạm ứng án phí 183.000.000đ.

Sau khi xét xử sơ thẩm :

- Ngày 4/1/2019, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: nguyên đơn vi phạm khoản 3 điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền ký kết Đơn khởi kiện. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm :

* Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Công ty VAMC do ông Nguyễn Tuấn A là người đại diện theo ủy quyền (Theo quyết định số 102 /QĐ-TGD ngày 10/5/2018 của Tổng giám đốc) và BIDV do bà Nguyễn Thị Thu Giang là người đại diện theo ủy quyền ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 2046/2019/BN.VAMC – BIDV có nội dung : “ 1. *Bên A đồng ý bán và Bên B đồng ý mua khoản nợ được quy định tại Khoản 2 điều này , theo đó Bên A chuyển giao quyền chủ nợ của các khoản nợ cho Bên B. 2. Các khoản nợ được mua án theo hợp đồng này có thông tin như sau : a. Khách hàng vay : Công ty TNHH MTV Bia rượu E....*”. Do vậy, theo Hợp đồng mua bán nợ nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử thay đổi địa vị tố tụng của BIDV trở thành chủ nợ và là nguyên đơn trong vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Công ty E trình bày :

- Nguyên đơn vi phạm khoản 3 điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền ký kết Đơn khởi kiện. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Về hợp đồng tín dụng, số nợ gốc Công ty E nhất trí không có ý kiến gì . Công ty E đề nghị Ngân hàng xem xét giảm lãi do tình hình khó khăn về kinh tế.

- Về nhà đất tại 134 C G có nguồn gốc của ông Lê Sỹ Th và bà Nguyễn thị Lai. Ông Th, bà Lai có 4 người con là Lê Thanh S, Lê Gia Th, Lê Tam Th, Lê Hồng Điệp. Ngày 18/8/1996 bà Lai chết không để lại di chúc , ngày 28/5/1997 ông Th viết di chúc chia toàn bộ nhà đất 134 C G cho 3 người con Lê Thanh S, Lê Gia Th, Lê Tam Th, việc ông Th di chúc định đoạt toàn bộ tài sản bao gồm cả phần di sản do bà Lai để lại là không phù hợp với pháp luật. Việc UBND Quận C G dựa vào di chúc do Th lập để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Thanh S mà không yêu cầu 04 anh em thực hiện khai nhận và phân chia di sản là trái pháp luật. Vì vậy để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Tam Th và bà Lê Hồng Đ đề nghị Hội đồng xét xử đưa ông

Lê Tam Th vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Thanh S, bà Vũ Thị Th nhất trí đề nghị Hội đồng xét xử đưa ông Lê Tam Thắng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của Công ty E trong thời hạn Luật định.

- Đơn khởi kiện của BIDV có nội dung và hình thức đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy nhà đất số 134 C G là tài sản hợp pháp của ông Lê Thanh S và bà Vũ Thị Th, các bên ký kết hợp đồng thế chấp đúng theo quy định của pháp luật và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo, do vậy việc Công ty E yêu cầu đưa ông Lê Tam Th vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ để chấp nhận, do vậy không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Công ty E phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- **Về thủ tục tố tụng** : Đơn kháng cáo của Công ty E trong thời hạn Luật định và hợp lệ. Căn cứ điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự về phạm vi xét xử phúc thẩm, Tòa án xét kháng cáo của Công ty E, ông Lê Thanh S, bà Vũ Thị Th không kháng cáo nên, Tòa không xét.

- Tại phiên tòa Luật sư Bùi Văn Tiên vắng mặt có gửi đơn xin hoãn phiên tòa với lý do sức khỏe nhưng không nộp bất kỳ tài liệu chứng cứ nào chứng minh do vậy lý do xin hoãn phiên tòa của luật sư T không được chấp nhận.

- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho Công ty cổ phần thời trang C MB, ông Nguyễn Anh T, nhưng các đương sự nêu trên đều vắng mặt không có lý do, do vậy căn cứ khoản 3 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về tư cách đương sự : Ngày 19/9/2019 Công ty VAMC do ông Nguyễn Tuấn Anh là người đại diện theo uỷ quyền (Theo quyết định số 102 /QĐ-TGD ngày 10/5/2018 của Tổng giám đốc) và BIDV do bà Nguyễn Thị Thu Gi là người đại diện theo uỷ quyền ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 2046/2019/BN.VAMC – BIDV có nội dung : “ 1. Bên A đồng ý bán và Bên B đồng ý mua khoản nợ được quy định tại Khoản 2 điều này , theo đó Bên A chuyển giao quyền chủ nợ của các khoản nợ cho Bên B. 2. Các khoản nợ được mua án theo hợp đồng này có thông tin như sau : a. Khách hàng vay : Công ty TNHH MTV Bia rượu E...” Do vậy theo Hợp đồng mua bán nợ số 2046/2019/BN.VAMC – BIDV thì BIDV trở thành chủ sở hữu khoản nợ và có quyền yêu cầu Công ty E thực hiện nghĩa vụ trả nợ, do vậy chấp nhận yêu cầu của BIDV về việc thay đổi địa vị tố tụng , xác định BIDV trở thành nguyên đơn trong vụ án.

- Về tư cách khởi kiện : BIDV – Chi nhánh Th L và Công ty E ký kết nhiều hợp đồng tín dụng, theo các biên bản làm việc thì Công ty E vi phạm nghĩa vụ chậm trả cả gốc và lãi đối với BIDV . Ngày 25/9/2014, BIDV đã bán toàn bộ khoản nợ của Công ty E cho Công ty VAMC theo hợp đồng mua bán nợ số 4136/2014/MBN.VAMC1-BIDV. Như vậy theo quy định tại điều 309, 313 Bộ luật dân sự năm 2005 thì Công ty VAMC trở thành chủ sở hữu khoản nợ của Công ty E và có quyền yêu cầu Công ty E thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngày 25/9/2014 Công ty VAMC ký hợp đồng uỷ quyền số 4137/2014/UQ.VAMC1-BIDV, ngày 13/10/2015 Công ty VAMC ký hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng uỷ quyền theo đó Công ty VAMC uỷ quyền cho BIDV thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ liên quan đến Công ty E và khoản nợ của Công ty E tại hợp đồng mua bán nợ số 4136/2014/MBN.VAMC1-BIDV ngày 25/9/2014 trong đó có quyền khởi kiện. Căn cứ Quyết định số 8695/QĐ-BIDV ngày 28/10/2016 của người đại diện theo pháp luật của BIDV thì Ông Ngô duy Chính Giám đốc : Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN – Chi nhánh Th L ký đơn khởi kiện là phù hợp với điều 581, 583 Bộ luật dân sự , phù hợp với điểm b khoản 1 , điểm b khoản 3 Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao, do vậy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty E cho rằng Đơn khởi kiện được ký không đúng thẩm quyền.

- Về nội dung:

1/ Về hợp đồng tín dụng , về số nợ gốc các bên không kháng cáo nên Toà án không xét. Tại phiên toà phúc thẩm Công ty E đề nghị giảm lãi do tình trạng kinh tế của Công ty gặp khó khăn , BIDV không đồng ý , do vậy căn cứ vào hợp đồng tín dụng không chấp nhận đề nghị giảm lãi của Công ty E.

2/ Về nguồn gốc nhà đất thế chấp tại 134 C G phường Quan Hoa – Quận C G – Thành phố Hà Nội :

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện : Nhà đất tại 134 C G phường Quan Hoa – Quận C G – Thành phố Hà Nội nằm trên thửa đất số 180, tờ bản đồ số 62 (1P) có diện tích 726,3m² đã được UBND Quận C G cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 10113052652 ngày 20/1/2004 đứng tên ông Lê Thanh S, bà Vũ Thị Th. Trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 10113052652 lưu tại Văn phòng đăng ký đất đai quận C G thể hiện : “ Năm 1992 ông Thịnh nhượng cho bà Thiết 240m² thuộc thửa số 78, năm 1993 ông Nguyễn Gia Sơn nhượng cho bà Thiết 210m² thuộc thửa số 79, năm 1997 ông Lê Sỹ Thành di chúc cho ông Sơn 1 phần thửa đất số 80 , Hiện trạng 726,3m² ” , như vậy phần đất ông Sơn được hưởng theo di chúc đối với thửa đất này là 276,3m², chứ không phải toàn bộ diện tích 726,3m² là được hưởng theo di chúc . Thấy rằng tại phiên toà phúc thẩm người đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Thanh S, bà Vũ Thị Th trình bày : từ khi ông Sơn, bà Thiết được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với nhà đất số 134 C G nêu trên đến nay không có bất kỳ khiếu nại tranh chấp nào . Hơn nữa tại Hợp đồng thế chấp nhà đất số 134 C G phường Quan Hoa – Quận C G – Thành phố Hà Nội do ông Lê Thanh S, bà Vũ Thị Th, BIDV và ông Lê Gia Th (với tư cách giám đốc Công ty E) và ông Lê Gia Th là em trai ông Lê Thanh S , điều đó chứng tỏ ông Th hoàn toàn biết việc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 134 C G đứng tên ông Sơn bà Thiết, nhưng ông Th không có ý kiến gì, theo kết quả xác minh nhà đất nêu trên không có tranh chấp và đến nay chưa có bất kỳ quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào huỷ bỏ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất nêu trên . Hợp đồng thế chấp công chứng số 182, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/10/2009; do ông Lê Thanh S, bà Vũ Thị Th, BIDV và Công ty E ký kết trên cơ sở tự nguyện , phù hợp với pháp luật , đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 02/10/2009 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận C

G, Hà Nội phù hợp với các điều 342, 343 nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Vụ án nêu trên với quan hệ pháp luật là Tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa BIDV và Công ty E , giao dịch thế chấp tài sản là nhà đất số 134 C G giữa ông Lê Thanh S, bà Vũ Thị Th, BIDV và Công ty E đã phát sinh hiệu lực là giao dịch ngay tình, Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của BIDV về việc nếu việc Công ty E không trả nợ thì BIDV có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là nhà đất số 134 C G là phù hợp với pháp luật. Như đã phân tích ở trên, căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm , Hội đồng xét xử thấy rằng ông Lê Tam Th không có quyền lợi nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án mà Tòa án đang giải quyết , do vậy không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Thanh S, bà Vũ Thị Th về việc đưa ông Lê Tam Th vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Các Hợp đồng thế chấp và tài sản thế chấp khác các đương sự không kháng cáo nên Toà án không xem xét. Cần chỉnh một số từ ngữ trong phần quyết định cho rõ nghĩa.

Về án phí phúc thẩm : Công ty E phải chịu án phí phúc thẩm, đã nộp 300.000đ còn phải nộp 1.700.000đ.

Từ những nhận định trên!

Căn cứ điều 342, 343, 355, 361, 362, 369 , 450, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 148, khoản 1 điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/CP/2012 ngày 22/2/2011 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ khoản 2 điều 26, Khoản 1 điều 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí , lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử : Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Một thành viên bia rượu E .

Giữ nguyên Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/ KDTM – ST ngày 17 tháng 1 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M L và quyết định như sau:

Xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN (Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam) đối với Công ty TNHH Một thành viên bia rượu E về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

1- Buộc Công ty TNHH Một thành viên bia rượu E có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN tính đến hết ngày 17/01/2019 (xét xử sơ thẩm), tổng số tiền là 292.094.224.468 đồng (*Hai trăm chín mươi hai tỷ không trăm chín tư triệu hai trăm hai bốn nghìn bốn trăm sáu tám đồng*), gồm: 286.341.916.642 VND và 216.260,30 EUR (quy đổi là 5.752.307.826 VND, theo tỷ giá quy đổi ngày 17/01/2019 EUR/VND là 26.599); trong đó: Nợ gốc là 144.157.268.976 đồng (gồm 140.739.723.060 VND và 128.484,00 EUR, quy đổi là 3.417.545.916 đồng). Nợ lãi trong hạn là 128.325.565.992 đồng (gồm 126.368.495.731 VND và 73.576,84 EUR, quy đổi là 1.957.070.261 đồng). Nợ lãi quá hạn là 19.611.389.500 đồng (gồm 19.233.697.851 VND và 14.199,47 EUR, quy đổi là 377.691.649 đồng)

Ngoài ra Công ty TNHH Một thành viên bia rượu E còn có trách nhiệm thanh toán toàn bộ phần lãi phát sinh kể từ ngày 18/1/2019, theo hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2009/HĐTD-DH ngày 22/9/2009, sửa đổi bổ sung ngày 29/3/2010, ngày 28/12/2010, ngày 20/1/2012, ngày 25/10/2012 và hợp đồng tín dụng hạn mức số 1101/2011/HĐ ngày 11/1/2011, biên bản sửa đổi bổ sung ngày 15/3/2011 giữa Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN – Chi nhánh Th L ký với Công ty TNHH Một thành viên bia rượu E cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2- Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên bia rượu E không thanh toán trả nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ gồm:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ 134 đường C G, quận C G, HN thuộc thửa đất số 180, tờ bản đồ 62 (1P), diện tích 726,3m², đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 10113052652 ngày 20/1/2004 đứng tên ông Lê Thanh S và bà Vũ Thị Th, theo hợp đồng thế chấp công chứng số 182, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/10/2009; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 02/10/2009 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà quận C G, Hà Nội.

- Xe ô tô Ford Ranger BKS 30V – 3, số khung 8, số máy 1; theo hợp đồng thế chấp số 0903 ngày 09/3/2010, đăng ký bảo đảm ngày 17/3/2010 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại TP Hà Nội.

- Xe ô tô Ford Ranger BKS 30Z – 8, số khung 8, số máy 1; ô tô tải Hyundai 2.4T BKS 30Z – 8, số khung 1, số máy 9; ô tô tải Hyundai 11.5T BKS 30Y – 7, số khung 1, số máy 9; ô tô Hyundai 1.25T BKS 30Z – 9, số khung 0, số máy 7; ô tô khách Daewoo BKS 30Y – 7, số khung 0, số máy 8; xe nâng Komatsu 1.5T số máy M191 - 8. Theo Hợp đồng thế chấp số 2529/2010/HĐ ngày 25/9/2010; đăng ký bảo đảm ngày 27/10/2010 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại TP Hà Nội.

- Nhà xưởng, các công trình xây dựng, máy móc và thiết bị gắn liền với nhà xưởng và công trình xây dựng trên đất thuộc thửa đất số 873 tờ bản đồ 24 tại Lô 46, Khu công nghiệp Qu M, M L, HN theo Hợp đồng thế chấp số 2209/2009/HĐ ngày 22/9/2009 giữa Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN – Chi nhánh Th L với Công ty TNHH MTV Bia rượu E.

Trường hợp, nếu số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán thì Công ty TNHH Một thành viên bia rượu E tiếp tục có nghĩa vụ trả hết nợ số tiền còn thiếu cho Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN.

Án phí:- Công ty TNHH Một thành viên bia rượu E phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch là 400.094.224 đồng (*Bốn trăm triệu không trăm chín tư nghìn hai trăm hai bốn đồng*) (chưa nộp) và 2.000.000đ án phí phúc thẩm, đã nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí số 0016870 ngày 27/2/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M L còn phải nộp 401.794.224đ. (*Bốn trăm linh một triệu bảy trăm chín tư nghìn hai trăm hai bốn đồng*)

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN (kế thừa của Công ty TNHH Một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí 183.000.000đ (*Một trăm tám mươi ba triệu đồng*), theo biên lai tạm ứng án phí số 0004750 ngày 15/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 4/10/2019.

Nơi nhận:

- Tòa án ND Huyện M L;
- Viên kiểm sát ND TP Hà Nội;
- Dương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Hồng Hạnh